

Bản án số: 534/2018/HS-PT

Ngày: 23-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Thẩm phán: 1/ Ông Vũ Hoài Nam

2/ Bà Đoàn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 23 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 443/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Trần Phúc D. do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2018/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Trần Phúc D.; sinh ngày 09/6/1990 tại thành phố Cần Thơ; Thường trú: Ấp X, xã Y, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ; tạm trú: Số X2, đường Y2. Xã Z2, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kỹ sư; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tr. (C) và bà Dương Thị Đ.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2016 (Có mặt).

Người bị hại: Ông Lê Xuân Qu., sinh năm 1985 (chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Lê Văn Q., sinh năm 1962 (cha ruột)

Thường trú: Ấp X3, xã Y3, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ca Chí L., sinh năm 1980

Địa chỉ: Số X4, đường Y4, phường Z4, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Công ty TNHH Thương mại V.

Địa chỉ: Số X5, ấp Y5, xã Z5, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Th. (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Lê Thanh H., sinh năm 1984

Địa chỉ: Số X6, đường Y6, phường Z6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Nhật L2., sinh năm 1990

Địa chỉ: Số X7, đường Y7, phường Z7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Ông Lê Văn X., sinh năm 1988

Địa chỉ: Số X8, đường Y8, phường Z8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Đ2., sinh năm 1970

Địa chỉ: Số X9, đường Y9, phường Z9, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người bào chữa:

1. Ông Huỳnh Lê Tường – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Phúc D. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Quang Vũ – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Phúc D. (Có mặt).

Người giám định:

1. Ông Vũ Văn Dân, sinh năm 1973 – Giám định viên thuộc Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Phương Nam – Giám định viên thuộc Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 15 phút ngày 30/7/2016, Trần Phúc D. điều khiển xe gắn máy biển số 61S2-2190 phía sau chở anh Lê Xuân Qu. lưu thông trên đường N. hướng từ Q. về P., phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến giao lộ N. – K., Trần Phúc D. vượt đèn đỏ đã để phần đầu phía trước xe gắn máy biển số 61S2-2190 va chạm vào phần bên phải rơ moóc biển số 51R-081.61 của

xe ô tô đầu kéo biển số 51C-549.46 do anh L. điều khiển lưu thông trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa hướng từ V. về A. Tai nạn xảy ra làm anh Qu. tử vong tại Bệnh viện nhân dân 115. Theo Bản kết luận giám định pháp y số 1089 ngày 22/8/2016 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh xác định nguyên nhân tử vong của Lê Xuân Qu. là: Đa chấn thương/Nồng độ ethanol trong máu cao (85mg/100ml>50mg/100ml máu). Kết quả xét nghiệm nồng độ ethanol trong máu của Trần Phúc D. là 1,52G/L.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Phúc D. không nhận là người điều khiển xe gắn máy biển số 61S2-2190.

Tại Kết luận giám định số 2998/C54B ngày 06/10/2016 của Phân viện KHHS – Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Các dấu vết phía trước xe mô tô biển số 61S2-2190 có chiều từ trước về sau phù hợp với các dấu vết bánh, cung trước chắn bùn bên phải 1 trục rơ mooc biển số 51R-081.61 có chiều từ phải sang trái, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lăn vào tâm bánh và ngược chiều quay tiến của bánh xe.*

Phía trước đầu xe mô tô biển số 61S2-2190 va chạm với cung trước chắn bùn bánh trước bên phải 1 trục rơ mooc biển số 51R-081.61 là vị trí va chạm đầu tiên.

Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định: Trần Phúc D. là người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190 khi tham gia tai nạn giao thông”.

Ngày 01/12/2017, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 384/CV/C54B giải thích và xác định các nguồn tài liệu đã sử dụng trong kết luận giám định số 2998/C54B ngày 06/10/2016 về vụ án “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” như sau: *“Trong quá trình giám định vụ tai nạn giao thông nêu trên: Để xác định người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190, giám định viên có sử dụng đoạn camera ghi nhận hình ảnh quá trình xảy ra tai nạn. Xem đoạn camera ghi nhận diễn biến vụ tai nạn giao thông đường bộ nêu trên do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thấy: Khi va chạm người đội nón bảo hiểm 02 sọc trắng nhô lên cao và chạm với ở trên cao sẽ văng xa; người ngồi trước đội nón bảo hiểm một sọc trắng bị thấp xuống và chạm với bánh ngoài bên trục 1 rơ mooc ở tầm thấp, do vậy văng gần hơn. Đó là cơ sở xác định đương sự Trần Phúc D. là người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190”.*

Lời khai anh Lê Thanh H. là nhân chứng trực tiếp chứng kiến diễn biến vụ tai nạn xác định bị can Trần Phúc D. là người điều khiển phương tiện xe mô tô biển số 61S2-2190 chở anh Lê Xuân Qu. vượt đèn đỏ gây tai nạn.

Do đó, với các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định vào thời điểm xảy ra tai nạn, Trần Phúc D. là người điều khiển xe tham gia giao thông với nồng

độ còn 1,52g/1L khí thở không chấp hành tín hiệu đèn giao thông gây ra vụ tai nạn như đã nêu trên.

Đối với ông Lê Văn Q. là cha ruột của anh Lê Xuân Qu., ông yêu cầu điều tra làm rõ và có hình thức xử lý đối với bị can Trần Phúc D..

Đối với anh Lê Xuân Qu. là người ngồi sau xe mô tô biển số 61S2-2190 không có lỗi, sau tai nạn đã tử vong.

Đối với tài xế Ca Chí L. điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số 51C-54946 kéo theo rơ moóc biển số 51R-08161 tham gia lưu thông đúng phần đường và tín hiệu đèn quy định nên không có lỗi.

Tại Bản cáo trạng số 32/CTr-VKS ngày 09/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Trần Phúc D. về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xử phạt Trần Phúc D. 03 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 451/2017/HSPT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên xử: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 147/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung vì lý do:

- Người làm chứng ông Lê Văn X. và ông Nguyễn Nhựt L2. xác định nạn nhân Qu. chở bị cáo D..

- Kết luận giám định số 2998/C54B ngày 06/10/2016 chưa trưng cầu giám định hình ảnh camera ghi nhận hiện trường vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 69/CT-VKSNDQ1 ngày 26/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố bị cáo Trần Phúc D. về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2018/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Phúc D. phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Trần Phúc D. 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2016.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D. kêu oan và cho rằng tại thời điểm xảy ra tai nạn, nạn nhân Lê Xuân Qu. là người điều khiển xe gắn máy, bị cáo là người ngồi sau nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 03 năm 06 tháng tù là oan cho bị cáo, bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Quang Vũ không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Theo luật sư bản Kết luận giám định số 2998/C54B không sử dụng hình ảnh camera để làm cơ sở kết luận, việc sau đó có sử dụng hình ảnh camera thì chỉ xem xét bằng mắt thường. Các Kết luận giám định không có cơ sở khoa học thuyết phục. Người làm chứng Nguyễn Đ2. không có địa chỉ rõ ràng nên không thể xem xét làm nguồn chứng cứ. Theo luật sư việc thu thập chứng cứ là nón bảo hiểm không đúng quy trình tố tụng nên đề nghị tuyên bố bị cáo D. không phạm tội.

Luật sư Huỳnh Lê Tường trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo D. cho rằng: Lời giải thích của giám định viên tại phiên tòa hôm nay không rõ ràng, chưa có sức thuyết phục. Luật sư nêu căn cứ vào hình ảnh đã được camera ghi nhận phù hợp với giao ước trước đó giữa bị cáo D. và Qu. là Qu. sẽ chở D. sau khi đi nhậu. Về việc này anh X. cũng có lời khai thấy từ quán ra thì Qu. là người chở D.. Theo luật sư người làm chứng Lê Thanh H. có lời khai bắt nhất nên xin Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai của người làm chứng, tuyên bị cáo D. không phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, giám định viên, luật sư và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D. trình bày tại thời điểm xảy ra tai nạn, nạn nhân Lê Xuân Qu. là người điều khiển xe gắn máy, bị cáo là người ngồi sau nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 03 năm 06 tháng tù là oan cho bị cáo, bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, qua xét hỏi bị cáo D. thừa nhận sau tai nạn bị cáo là người ngã gần vị trí xe gắn máy ngã và còn tỉnh táo đi đứng được, còn anh Qu. bị té ra xa xe, bị thương chảy máu nằm bất tỉnh. Lời khai này của bị cáo D. phù hợp với lời khai của người làm chứng tại hiện trường là ông Ca Chí L.

(tại các BL.85, 86). Ngoài ra, còn có lời khai của người làm chứng tại hiện trường là ông Lê Thanh H. (đang dừng đèn đỏ) được ghi nhận tại Công an phường BN, Quận 1 vào lúc 02 giờ 40 phút ngày 30/7/2016 ngay sau khi xảy ra tai nạn (BL.100) xác định Trần Phúc D. là người điều khiển xe mô tô biển số 6182-2190 vượt đèn đỏ gây tai nạn, khi đó D. chở anh Lê Xuân Qu. ngồi phía sau. Anh H. vẫn giữ nguyên lời khai này xuyên suốt trong quá trình điều tra, đã được cho đối chất với bị cáo và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 1 cũng như bản khai tại Tòa án trước khi xét xử sơ thẩm lần thứ 2 anh H. vẫn khẳng định “Anh D. là người điều khiển xe gắn máy, người ngồi trước sau khi tai nạn té gần xe, sau đó đứng dậy ra coi người ngồi sau té ra xa. Tôi xin cam đoan lời khai đúng sự thật”.

Đối với lời khai của Lê Văn X.: Có thấy Qu. chở D. khi ra khỏi quán nhưng không nhìn thấy và không có mặt chứng kiến vụ tai nạn xảy ra (BL.500).

Đối với lời khai của người làm chứng Nguyễn Nhựt L2. khai không để ý, không biết D. và Qu. đi về hướng nào và không chứng kiến vụ tai nạn xảy ra tại hiện trường. Đối với chữ ký của anh Nhựt L2. tại đơn xin xác nhận mà bị cáo D. nộp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm ngày 31/8/2017 cho rằng Lê Xuân Qu. là người lái xe. Anh L. khai “D. có đến gặp tôi nhờ ghi xác nhận vào văn bản xác minh đề ngày 29/9/2016 với các nội dung trong văn bản cho D. soạn...” (BL.505).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1089/TT.16 ngày 22/8/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận nguyên nhân chết của anh Lê Xuân Qu. là do Đa chấn thương/Nồng độ Ethanol trong máu cao”.

Tại Bản Kết luận giám định số 2998/C54B ngày 06/10/2016 do Thiếu tá Vũ Văn Dân và Đại úy Nguyễn Phương Nam – Giám định viên tư pháp về dấu vết cơ học thuộc Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đã kết luận: “*Các dấu vết phía trước xe mô tô biển số 61S2-2190 có chiều từ trước về sau phù hợp với các dấu vết bánh, cung trước chắn bùn bên phải 1 trục rơ mooc biển số 51R-081.61 có chiều từ phải sang trái, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lặn vào tâm bánh và ngược chiều quay tiến của bánh xe.*

Phía trước đầu xe mô tô biển số 61S2-2190 va chạm với cung trước chắn bùn bánh trước bên phải 1 trục rơ mooc biển số 51R-081.61 là vị trí va chạm đầu tiên.

Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và hồ sơ vụ tai nạn giao thông nêu trên, xác định: Trần Phúc D. là người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190 khi tham gia tai nạn giao thông”.

Tại Công văn số 384/CV/C54B ngày 01/12/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giải thích kết luận giám định số 2998/C54B ngày 06/10/2016 đã trả lời: “*Trong quá trình giám định vụ tai nạn giao thông nêu trên: Để xác định người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190, giám định*

viên có sử dụng đoạn camera ghi nhận hình ảnh quá trình xảy ra tai nạn. Xem đoạn camera ghi nhận diễn biến vụ tai nạn giao thông đường bộ nêu trên do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thấy: Khi va chạm người đội nón bảo hiểm 02 sọc trắng nhô lên cao và chạm với ở trên cao sẽ vắng xa; người ngồi trước đội nón bảo hiểm một sọc trắng bị thấp xuống và chạm với bánh ngoài bên trục 1 rơ mooc ở tầm thấp, do vậy vắng gần hơn. Đó là cơ sở xác định đương sự Trần Phúc D. là người điều khiển xe mô tô biển số 61S2-2190”.

[2] Với các chứng cứ như đã nêu trên, xét thấy mặc dù bị cáo D. không nhận tội nhưng căn cứ vào lời khai người làm chứng, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào thời điểm xảy ra tai nạn Trần Phúc D. là người điều khiển xe tham gia giao thông với nồng độ cồn 1,52g/1l khí thở không chấp hành tín hiệu đèn giao thông gây ra vụ tai nạn nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị xem xét vì bị cáo không phạm tội. Căn cứ vào nội dung trả lời của Giám định viên tại phiên tòa, kết quả giám định đã dựa vào các nguồn giám định, đối tượng giám định và giám định viên là người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giám định chịu trách nhiệm về Kết luận giám định của mình theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên không chấp nhận lời bào chữa của luật sư. Ngoài ra, công văn của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có đề nghị Sở giao thông vận tải cung cấp các camera hình ảnh tuyến đường N từ vòng xoay CH đến giao lộ N. – NN., phường BN, Quận 1 và căn cứ vào biên bản xác nhận dữ liệu camera của Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn đã xác định không có dữ liệu trên tuyến đường nêu trên từ 22 giờ ngày 29/7/2016 đến 03 giờ ngày 30/7/2016.

Từ đó, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng không xuất trình được tình tiết gì khác để Hội đồng xét xử xem xét nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, cha bị cáo có đóng góp trong công cuộc xây dựng đất nước, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội nên giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Phúc D. phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng b khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Phúc D. 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2016.

2. Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 1; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- Chi cục THA Quận 1; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- TAND Quận 1; (2)
- Công an Quận 1; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên